

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/KDTM-ST

Ngày: 08-5-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Quân;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 09/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S1; địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Ngân hàng TMCP S1 – CN Bến Cát trụ sở tại số B đường H, tổ A, khu phố A, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1976 – Chuyên viên quản lý nợ; địa chỉ Ngân hàng TMCP S1 trụ sở tại số B đường H, tổ A, khu phố A, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 14/2023/GUQ-CNBC ngày 29/12/2023). Có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH N1; địa chỉ: thửa đất số 1155 tờ bản đồ số 35, khu phố D, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông S.XingCong, sinh năm 1990; địa chỉ: thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 35 đường số B, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 11/11/2022, Công ty TNHH N1 (Viết tắt Công ty N1) và Ngân hàng thương mại Cổ phần S1 (viết tắt Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng cấp thẻ tín dụng hạn mức 200.000.000 đồng với mục đích phục vụ mua sắm và thanh toán cho Công ty N1. Công ty N1 đã thực hiện các giao dịch và các khoản thanh toán 201.947.896 đồng. Công ty N1 đã thanh toán cho Ngân hàng 129.678.000 đồng. Ngày 10/7/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/7/2023, Công ty N1 còn nợ 101.396.700 đồng (nợ gốc 98.111.683 đồng và nợ lãi 3.285.017 đồng).

Ngày 09/01/2023, Công ty N1 và Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng cấp thẻ tín dụng hạn mức 170.000.000 đồng với mục đích phục vụ mua sắm và thanh toán cho Công ty N1. Công ty N1 đã thực hiện các giao dịch và các khoản thanh toán 166.368.000 đồng. Công ty N1 đã thanh toán cho Ngân hàng 1.654.990 đồng. Ngày 10/7/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn Công ty còn nợ 183.021.415 đồng. Tính đến ngày Ngân hàng nộp đơn khởi kiện ngày 31/7/2023 Công ty N1 còn nợ 186.542.023 đồng (nợ gốc 183.021.415 đồng và nợ lãi 3.520.608 đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với Công ty N1 yêu cầu thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng Công ty N1 chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn là đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó N hành yêu cầu:

Buộc Công ty TNHH N1 phải trả ngày cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 101.396.700 đồng và lãi phát sinh sau ngày 31/7/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 11/11/2022.

Buộc Công ty TNHH N1 phải trả ngày cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 186.542.023 đồng và lãi phát sinh sau ngày 31/7/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 09/01/2023.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày sau khi ngân hàng nộp đơn khởi kiện bị đơn đã thanh toán 61.719.281 đồng nên tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu:

Buộc Công ty TNHH N1 phải trả ngày cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 49.949.114 đồng (Nợ gốc 36.392.402 đồng và lãi 13.556.712

đồng) và lãi phát sinh sau ngày 08/5/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng 11/11/2022.

Buộc Công ty TNHH N1 phải trả ngày cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 233.651.111 đồng (nợ gốc 183.021.415 đồng và nợ lãi quá hạn 50.629.696 đồng) và lãi phát sinh sau ngày 08/5/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng 09/01/2023.

Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngân hàng thương mại Cổ phần S1 khởi kiện Công ty TNHH N1 liên quan đến hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH N1 có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hai bên ký kết: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp số hợp đồng 104/2022 ngày 11/11/2022 hạn mức cấp tín dụng 200.000.000 đồng. Bị đơn đã thực hiện sử dụng thẻ tín dụng thanh toán 201.947.896 đồng. Công ty N1 đã thanh toán cho Ngân hàng 191.397.281 đồng. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp số hợp đồng 30/2023 ngày 09/10/2023 hạn mức cấp tín dụng 170.000.000 đồng. Bị đơn đã thực hiện sử dụng thẻ tín dụng thanh toán 166.368.000 đồng. Công ty N1 đã thanh toán cho Ngân hàng 1.654.990 đồng. Hai bên ký kết hợp đồng là tự nguyện đúng quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng trên bị đơn không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thời hạn

thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi là có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2024 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4]. Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp.

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 299, 318, 319, 320, 322, 323, 336, 338, 339 và 340 Bộ luật Dân sự

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần S1 đối với Công ty TNHH N1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Buộc Công ty TNHH N1 thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S1 tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp số hợp đồng 104/2022 ngày 11/11/2022 tính đến ngày 08/5/2022:

Nợ gốc: 36.392.402 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm lẻ hai đồng).

Nợ lãi: 13.556.712 đồng (Mười ba triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Tổng: 49.949.114 đồng (Bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười bốn đồng).

- Buộc Công ty TNHH N1 thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S1 tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp số hợp đồng 30/2023 ngày 09/01/2023 tính đến ngày 08/5/2022:

Nợ gốc: 183.021.415 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu không trăm hai mươi một nghìn bốn trăm mười lăm đồng).

Nợ lãi: 50.629.696 đồng (Năm mươi triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

Tổng: 233.651.111 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn một trăm mười một đồng).

Tổng cộng: 283.600.225 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu sáu trăm hai trăm hai mươi lăm đồng)

Kể từ ngày sau xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong nợ gốc Công ty TNHH N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quy định của của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH N1 phải chịu án phí sơ thẩm là 14.180.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

3.2. Ngân hàng thương mại Cổ phần S1 không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 7.198.500 đồng (Bảy triệu một trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai số 0001831 ngày 03/01/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi Cục THA Dân sự thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Hồng Thâm

